*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC*

*ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc*

*Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ**  **XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  -----\*\*\*----- |
| Số: 02/BCTN -TMC | *Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2013* |

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC**

**Năm báo cáo : 2012**

1. **Thông tin chung**
2. **Thông tin khái quát**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên công ty:** | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG TMC |
| **Tên giao dịch:** | BACH DANG TMC CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY |
| **GCN ĐKKD :** | 0200630129 |
| **Vốn điều lệ đăng ký:**  **Vốn điều lệ đã góp:** | 60.000.000.000 đồng  46.000.000.000 đồng ( tính đến 31/12/2012) |
| **Người đại diện theo pháp luật:** | **Nguyễn Văn Thường** – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| **Địa chỉ:** | Số nhà 24, ngõ 22, phố Trung Kính, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội |
| **Điện thoại:** | 04.3783 4070 |
| **Fax:** | 04.3783 4071 |
| **Email:** | bachdangtmc@gmail.com |
| **Website:** | *www.bachdangtmc.com* |
| **Mã cổ phiếu:** | **BHT** |

1. **Quá trình hình thành và phát triển**

C«ng ty ®­îc thµnh lËp ngµy 12 th¸ng 10 n¨m 1998 theo quyÕt ®Þnh sè 992/Q§ - BXD do Bé tr­ëng Bé x©y dùng ký ®­îc lÊy tªn lµ: C«ng ty x©y dùng vµ dÞch vô du lÞch §å S¬n - Trùc thuéc Tæng C«ng ty x©y dùng B¹ch §»ng - Cã trô së C«ng ty ®Æt t¹i Khu II, thÞ x· §å S¬n -Thµnh Phè H¶i Phßng.

**Ngµy 02 th¸ng 3 n¨m 2000** ®­îc ®æi tªn thµnh C«ng ty L¾p m¸y ®iÖn n­íc vµ x©y dùng chuyÓn trô së C«ng ty vÒ An Hång - An D­¬ng - H¶i Phßng. Theo quyÕt ®Þnh sè 330/Q§ - BXD cña Bé tr­ëng Bé x©y dùng ký ngµy 02/3/2000.

**Ngµy 23/12/2004** theo quyÕt ®Þnh sè 2043/Q§ - BXD cña Bé x©y dùng chuyÓn ®æi tõ C«ng ty nhµ n­íc thµnh C«ng ty Cæ phÇn ®­îc lÊy tªn lµ C«ng ty Cæ phÇn l¾p m¸y ®iÖn n­íc vµ x©y dùng cã trô së t¹i An Hång - An D­¬ng - H¶i Phßng.

**Ngµy 13/06/2006** Tæng C«ng ty x©y dùng B¹ch §»ng chÊp thuËn cho C«ng ty CP L¾p m¸y ®iÖn n­íc & X©y dùng chuyÓn trô së tõ An Hång - An D­¬ng - H¶i Phßng lªn Hµ Néi theo c«ng v¨n sè 58/H§QT/TCT. Ngµy 26/05/2007 theo quyÕt ®Þnh sè 2A/Q§-H§QT C«ng ty ®· ®æi tªn thµnh C«ng ty CP §Çu t­ x©y dùng & L¾p m¸y TMC cã trô së t¹i sè 6 l« 1C Trung Yªn 8 - Trung Hoµ - CÇu GiÊy - Hµ Néi.

**Th¸ng 5 n¨m 2007** §¹i héi Cæ ®«ng ®· quyÕt ®Þnh t¨ng vèn ®iÒu lÖ ®Ó ®¸p øng sù ph¸t triÓn cña C«ng ty, lóc nµy vèn së h÷u Nhµ n­íc do Tæng C«ng ty x©y dùng B¹ch §»ng n¾m gi÷ chiÕm 17,48%.

**Ngµy 1/10/2009** Héi ®ång qu¶n trÞ C«ng ty CP §TXD & L¾p m¸y TMC ®· ban hµnh quyÕt ®Þnh sè 108/Q§- H§QT chuyÓn trô së C«ng ty tõ Sè 6 L« 1C - §. Trung Yªn 8 - Trung Hoµ - CÇu GiÊy - HN sang §Þa chØ sè 24 - Ngâ 22 - Trung KÝnh - Trung Hoµ - CÇu giÊy- Hµ Néi.

**Tháng 02/2010**, tên Công ty được chính thức đổi thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC và Đại hội cổ đông thông qua chủ trương tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 26 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 1.300.000 cổ phần. Năm 2011, công ty đã phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi trị giá 20.tỷ đồng và năm 2012 chuyển đổi thành công nâng vốn điều lệ thực góp của Công ty đạt 46 tỷ, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty.

**Ngày 11/01/2011**, cổ phiếu BHT của công ty chính thức được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của công ty

1. **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh chính Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200630129 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nôi cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 26 tháng 11 năm 2010, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

* Sản xuất ống nhựa, nhôm nhiều lớp và phụ kiện, kết cấu thép hình các loại;
* Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
* Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tầu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
* Tư vấn, xây dựng và lắp kéo rải cáp, máng cáp chôn ngầm cho ngành điện và bưu điện (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
* Xây dựng các công trình thuỷ lợi, khu công nghệ cao, chuẩn bị mặt bằng xây dựng;
* Lắp đặt điện nước, hoàn thiện các công trình xây dựng;
* Gia công lắp dựng kết cấu thép hình các loại;
* Thi công các công trình cấp nước và thoát nước;
* Lắp đặt và cung cấp vật tư, thiết bị điện dân dụng, điện công nghiệp;
* Xây dựng nhà các loại;
* Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
* Kinh doanh bất động sản
* Lắp đặt hệ thống điện;

Địa bàn kinh doanh chính: Hà Nội và các vùng lân cận, và các tỉnh Nghệ An, Ninh Bình , Hà Nam, Thanh Hoá, Hải phòng ….

1. **Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**Mô hình quản trị:** Công ty có Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên trong đó có Chủ tịch hội đồng quản trị, một uỷ viên HĐQT thường trực và 3 uỷ viên HĐQT.

Hội đồng quản trị quản lý, điều hành công ty thông qua Ban Tổng giám đốc

**Cơ cấu bộ máy quản lý :** Công ty có 5 phòng ban, 5 đội trực thuộc và 2 ban điều hành trực thuộc công ty

**Các công ty con, công ty liên kết:** không có

1. **Định hướng phát triển**

**5*.1.Các mục tiêu chủ yếu của công ty***

**-** Xây dựng Bạch Đằng TMC luôn luôn là thương hiệu hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực thi công xây lắp ( đặc biệt là thi công côppha trượt)

- Kinh doanh có lãi, đảm bảo và phát triển vốn của cổ đông, đảm bảo quyền lợi của Công ty, cổ đông và quyền lợi của người lao động.

- Đảm bảo cho Doanh nghiệp ngày càng phát triển một cách bền vững và ổn định, xây dựng nguồn lực, phát triển các thế mạnh của mình.

***5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn***

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và phát triển nguồn lực: với quan điểm phát triển bền vững, trong nhiều năm qua còn rất nhiều khó khăn, nhưng Công ty luôn coi trọng công tác chăm lo và cải thiện đời sống và môi trường làm việc cho các cán bộ công nhân viên. Ngoài việc thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, khám sức khoẻ định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát, thì hàng năm Công ty tổ chức tốt các phong trào thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn. Công ty xây dựng nhiều quy định về tuyển dụng lao động, trợ cấp khó khăn, thôi việc, trợ cấp hưu trí. Cử cán bộ công nhân viên đi thăm quan, tu nghiệp tại nước ngoài. Tổ chức thường xuyên và khen thưởng kịp thời các sáng kiến kỹ thuật trong sản xuất…

- Tiếp tục đẩy mạnh và hoàn thiện sản xuất công nghiệp và xây lắp, đặc biệt coi trọng việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng và xác định đó là yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tập trung vào các sản phẩm và công nghệ mà Công ty có thế mạnh như: Thi công côppha trượt, thực hiện các dự án đầu tư...

- Tăng tỷ trọng đầu tư trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên không đầu tư dàn trải mà chỉ tập trung vào những lĩnh vực mà Công ty có nhiều thế mạnh như: Thi công côppha trượt, kinh doanh bất động sản…

- Thành lập một số công ty con, sàn giao dịch bất động sản

Để thực hiện chiến lược trên trong năm 2013 Công ty Bạch Đằng TMC tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Chú trọng xây dựng, bồi dưỡng nguồn lực đặc biệt là nguồn nhận sự quản ý cấp cao, chủ động nguồn nhân lực phục vụ cho các dự án có quy mô lớn như các dự án bất động sản , các dự án đầu tư liên danh, liên kết Đồng thời có kế hoạch thực hiện nghiêm túc các chương trình đào tạo nâng cao cho cán bộ quản lý.

- Hoàn thiện trên cơ chế quản lý đầu tư bất động sản để nâng cao hiệu quả đầu tư rút ngắn thời gian chuẩn bị thủ tục, phát huy thế mạnh của công ty tại các dự án đầu tư bất động sản trên cả nước.

- Đẩy mạnh hợp tác đầu tư với các đối tác tin cậy, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực phát triển nhà ở, chung cư tại , Hà Nội và các tỉnh lân cận

- Tiếp tục phát huy thế mạnh thi công bằng công nghệ côppha trượt trong thi công xây lắp, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, thực hiện tiết kiệm tai công trường để giảm chi phí tại công trường của công ty.

1. **Các rủi ro**

Các rủi ro đến từ việc Chủ đầu tư chậm thanh toán, gây khó khăn trong việc thanh quyết toán công trình hoặc không đủ tài chính để thi công tiếp dẫn đến việc chậm tiến độ thi công làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty và mục tiêu của công ty.

1. **Tình hình hoạt động trong năm**
2. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2012, cùng với các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng chung của những bất ổn trong nền kinh tế, nhưng với sự lỗ lực lao động của lãnh đạo và toàn bộ CBCNV Công ty và sự sáng tạo trong công tác điều hành, tổ chức bộ máy chuyên nghiệp, năng suất cao, Công ty đã vượt qua khó khăn để phát triển và mở rộng thị trường, mở rộng phạm vi, quy mô kinh doanh, thực hiện kế hoạch đề ra. Với sự nỗ lực của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và của toàn thể cán bộ công nhân viên để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung** | **§¬n vÞ tÝnh** | **KÕ ho¹ch 2012** | **Thùc hiÖn 2012** | **Tû lÖ % Thùc hiÖn**  **So víi kÕ ho¹ch** |
| **1** | **Gi¸ trÞ s¶n l­îng** | **Tû ®g** | **150** | **70,0** | **46,66%** |
| **2** | **Doanh thu** | **Tû ®g** | **125** | **57,67** | **-53,86%** |
| **3** | **Thu håi vèn** | **Tû ®g** | **105** | **71,39** | **-32%** |
| **4** | **Lợi nhuận trước thuê** | Tû ®g | **8,8** | **- 9,158** | **-204%** |
| **5** | **Nép NS & TCT** | **Tû ®g** | **8,8** | **0** | **-247%** |
| **6** | **T/nhËp BQ ng­êi/ th¸ng** | **1.000 ®ång** | **4.500** | **4.500** | **100%** |
| **7** | **Cæ tøc** | **N¨m** | **13%** | **0** |  |

**Tình hình thực hiện so với kế hoạch:** Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2012 mà công ty đặt ra đều không đạt được so với kế hoạch, nguyên nhân là do sự suy thoái chung của nền kinh tế thế giới cũng như trong nước. Việc các chủ đầu tư không đủ tài chính để tiếp tục đầu tư vào công trình, Chủ đầu tư chậm thanh toán làm chậm tiến độ thi công, ngân hàng khó khăn trong việc cho vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty . Do vậy, các chỉ tiêu mà công ty đặt ra đều không đạt và giảm so với năm 2011.

1. **Tổ chức và nhân sự**
   1. **Danh sách ban điều hành:**

###### 2.1.1, Tổng giám đốc - Ông Nguyễn Văn Thường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Nguyễn Văn Thường** | |
| - | Số CMND | 012888825 | Ngày cấp: 23/06/2006  Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - | Giới tính | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 12/1/1960 |  |
| - | Nơi sinh | Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình. | |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Gia Lập – Gia Viễn – Ninh Bình | |
| - | Địa chỉ thường trú | Nhà 24T1 Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy - Hà Nội | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 10/10 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |  |
| - | Quá trình công tác |  |  |
| - | 1981 đến 2002 | Cán bộ C ty Xây dựng số 9 (Vinaconex 9) | |
| - | 2003 đến 2004 | Phó giám đốc Chi nhánh vinaconex 9 | |
| - | 2005 đến 2006 | Giám đốc Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng | |
| - | 2006 đến nay | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 380.000 cổ phần. |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 200.000 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 180.000 cổ phần. |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 8,2% |  |

###### 2.1.2 Phó Tổng giám đốc – Ông Đinh Đức Tân

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Đinh Đức Tân** |  |
| - | Số CMND | 012793555 | Ngày cấp: 21/07/2005  Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - | Giới tính | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 14/12/1971 |  |
| - | Nơi sinh | Ninh Bình |  |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Gia Tân – Gia Viễn – Ninh Bình | |
| - | Địa chỉ thường trú | Trung Kính – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 12/12 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư |  |
| - | Quá trình công tác |  |  |
|  | - 1997 đến T5/2006 | Phụ trách kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 | |
|  | - 2006 đến 2007 | Trưởng phòng kỹ thuật kế hoạch CTCP ĐT XD và lắp máy TMC | |
|  | - 2007 đến nay | Uỷ viên thường trực Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đâu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
|  | Số cổ phần nắm giữ | 75.000 cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 75.000 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 1,6% |  |

**2.1.3Phó tổng giám đốc - Ông Lê Đắc Hậu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Lê Đắc Hậu** |  |
| - | Số CMND | 125515375 | Ngày cấp: 24/06/2009 Nơi cấp: C.A Bắc Ninh |
| - | Giới tính | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 9/12/1962 |  |
| - | Nơi sinh | Thôn Thượng – Cảnh Hưng – Tiên Du – Bắc Ninh | |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Thôn Thượng – Cảnh Hưng – Tiên Du – Bắc Ninh | |
| - | Địa chỉ thường trú | Thôn Thượng – Cảnh Hưng – Tiên Du – Bắc Ninh | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 12/12 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |  |
| - | Quá trình công tác |  |  |
|  | - 1982 đến 1984 | Học trường Việt Xô – Xuân Hòa. | |
|  | - 1984 đến 2006 | Phó ban B3 Công ty cổ phần xây dựng số 9 Vinaconex | |
|  | - 2006 – 2008 | Đội trưởng đội 5 Công ty CP đầu tư XD và lắp máy TMC | |
|  | - 2008 đến nay | Phó tổng GĐ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 30.000 cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 30.000 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,65% |  |

**2.1.4 Kế toán trưởng - ông Nguyễn Văn Hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên: | **Nguyễn Văn Hợp** |  |
| - | Số CMND: | 013395375 | CA Hà Nội cấp ngày 11/03/2011 |
| - | Giới tính: | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh: | 16/08/1964 |  |
| - | Nơi sinh: | Yên Lợi – Ý Yên - Nam Định | |
| - | Quốc tịch: | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc: | Kinh |  |
| - | Quê quán: | Yên Lợi – Ý Yên - Nam Định | |
| - | Địa chỉ thường trú: | 501B – A12 Thanh Xuân Bắc – Thanh Xuân – Hà Nội | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan: | 0437834070 |  |
| - | Trình độ văn hóa: | 10/10 |  |
| - | Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kế toán | |
| - | Quá trình công tác: | 2006 – 2009 làm kế toán cho công ty CP XD số 9 – Vinaconex 9 | |
|  |  | Tháng 8/2009 – 12/2010: làm phó phòng Kế toán công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC | |
|  | : | Từ tháng 1/ 2011 đến nay: Làm kế toán trưởng công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay: | Kế toán trưởng |  |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: | Phó bí thư chi bộ |  |
|  | Số cổ phần nắm giữ: | 20.750 cổ phần |  |
|  | Trong đó |  |  |
|  | + Sở hữu: | 20.750 cổ phần |  |
| - | + Đại diện sở hữu: | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: | 0,45% |  |

* 1. **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2012, ban Điều hành của công ty không có thay đổi gì
  2. **Số lượng cán bộ công nhân viên:**

Tính đến ngày 31/12/2012 số lượng cán bộ công nhân viên Công ty là: 310 người.

Trong đó:

* Trình độ Đại học, cao đẳng, trung cấp : 90 người.
* Công nhân, kỹ thuật. lao động phổ thông : 220 người

***Chính sách đối với người lao động:***

* Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi nhằm thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.
* Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên có hợp đồng lao động từ ba tháng trở lên.
* Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất và kinh tế theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

1. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

* **Các khoản đầu tư lớn:**

Công ty đang tiến hành đầu tư 02 dự án là: Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp phúc sơn và nhà ở công nhân, nhà ở thương mại tại Ninh Bình và Dự án Tổ hợp các công trình nhà ở, căn hộ cao cấp và văn phòng cho thuê tại Xuân Đỉnh Hà Nội .

Năm 2012, công ty tiếp tục triển khai mạnh để thực hiện dự án: Tổ hợp các công trình nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê và công cộng, diện tích 4,97 ha tại hà nội với tổng mức đầu tư ban đầu là: 1.998 tỷ đồng đã đươch các sở ban ngành và Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận giao cho công ty làm chủ đầu tư. Hiện nay, công ty vẫn đang tiến hành các công việc cần thiết để thực hiện dự án

Năm 2012, HĐQT đã họp và nhận định việc tiếp tục thực hiện dự án: Khu công nghiệp sạch Phúc Sơn – Ninh Bình là không phù hợp với tình hình hiện tại của Thị trường cũng như của công ty. Vì vậy, HĐQT đã thống nhất trả lại dự án cho UBND tỉnh Ninh Bình để chuyển giao cho đơn vị khác thực hiện nhằm thu lại vốn đầu tư ban đầu mà công ty đã bỏ ra. UBND tỉnh Ninh Bình cũng đã đồng ý và đã co văn bản yêu cầu Công ty sớm làm các thủ tục chuyển giao dự án cho đơn vị khác thực hiện.

* **Các công ty con, công ty liên kết:** không có

1. **Tình hình tài chính**

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt nam nói riêng vẫn còn những khó khăn sau hậu suy thoái đang trong thời gian hồi phục, Bạch Đằng TMC vẫn phải đương đầu với không ít khó khăn trong năm 2012. Trước tình hình đó Ban Tổng giám đốc chỉ đạo nắm bắt thông tin, linh hoạt kịp thời trong điều hành, quyết đoán nhanh, chính xác trong chiến lược kinh doanh, tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy được các thế mạnh của Công ty.

**a, *Tình hình tài chính***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **% tăng giảm** |
| Tổng giá trị tài sản | Tr. đ | 231.473 | 212.258 | - 8,4% |
| Doanh thu thuần | Tr. đ | 76.469 | 57.675 | - 24,57% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tr. đ | 5.554 | - 8.841 | - 259% |
| Lợi nhuận khác | Tr. đ | -559,6 | - 316,7 | - 43,4% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đ | 4.994,7 | - 9158,6 | - 283,3% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đ | 3602,2 | - 9705,1 | - 369% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 12% |  |  |

**b, *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Năm 2011** | **Năm 2012** | **Ghi chú** |
| **1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** |  |  |  |  |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn  - TSLĐ/ nợ ngắn hạn: | Lần | 1,97 | 1,91 |  |
| * Hệ số thanh toán nhanh:   TSLĐ – Hàng tồn kho/ nợ ngắn hạn | Lần | 1,04 | 0,69 |  |
| **2. Chỉ tiêu cơ bản về cơ cấu vốn**  - Hệ số nợ/ Tổng tài sản    **-** Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,85  6,07 | 0,79  3,93 |  |
| **3. Chỉ tiêu vê năng lực hoạt động**  **- Vòng quay hàng tồn kho\**  **+ giá vốn bán hàng**  **+ Hàng tồn kho bình quân** | Lần | 0,95 | 0,53 |  |
| **- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản** | Đồng | 0,32 | 0,27 |  |
| **4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**  - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần | % | 4,7 | -16 |  |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu | % | 11 | -22 |  |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 1,5 | -5 |  |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần | % | 7,2 | -15 |  |

1. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a, cổ phần**

* Tính đến 31/12/2012 Số cổ phần của công ty là : **4.600.000** cổ phần
* **Loại cổ phần**: cổ phần phổ thông.

Tính đến 31/12/2012 số lượng cổ phiếu đang lưu hành như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại cổ phiếu lưu hành** | **Số lượng CP** | **Tỷ lệ** (%) |
| **1** | **Hạn chế chuyển nhượng** | 35.000 | **0,76%** |
| 1.1 | Cổ đông đại diện vốn Nhà nước |  |  |
|  | *- Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng* | 35.000 |  |
| **2** | **Tự do chuyển nhượng** | **4.565.000** | **99,24%** |
|  | **Tổng (1+2)** | **4.600.000** | **100%** |

**b, Cơ cấu cổ đông**

***Cơ cấu cổ đông góp vốn nhà nước***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cổ đông** | **Địa chỉ** | **Số CMND/ ĐKKD** | **Số CP nắm giữ** |
| 1 | **TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG**  ĐẠI DIỆN:  Nguyễn Văn Thường  Đỗ Thị Hằng | Số 268 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng  Nhà 24T1 Trung Hòa - Nhân Chính - Cầu Giấy – Hà Nội  Thôn 5, xã Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương | 110046  01288885  031605272 | **227.300** |

**Cơ cấu cổ đông lớn:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cổ đông** | **Số lượng**  **Cổ phần** | **Tỷ lệ** | **Địa chỉ** |
| ***1*** | Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng | 227.300 | 4,94% | Số 268, Trần Nguyên Hòa, Lê Chân, Hải Phòng |
| ***2*** | Công ty CP phát triển đô thị Từ Liêm | 649.000 | 14.11% | Tầng 2A - Nhà N09B1 - KĐT mới Dịch Vọng - Cầu Giấy Hà Nội |
| ***3*** | Bà Dương Thị Hà | 690.000 | 15.0% | Nhà 34T Trung Hòa, Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội |

Số lượng cổ phiếu còn lại là của cá nhân

**c, Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:**

Năm 2012, công ty đã chuyển đổi thành công  **2.000** trái phiếu chuyển đổi (mệnh giá: 100.000 đ/tp thành **2.000.000** cổ phiếu phổ thông nâng cổ phần của công ty lên **4.600.000** cổ phần phổ thông.

**d, Giao dịch cổ phiếu quỹ :** không có

**e, Các chứng khoán khác :** không có

1. **Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**:

***Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty***

Một số chỉ tiêu tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2012 được thể hiện trong các bảng số liệu ở mục II. 1

Năm 2012 là năm mà thị trường thế giới và thị trường trong nước có nhiều biến động do cuộc khủng khoảng kinh tế, giá cả vật liệu xây dựng, lãi suất tiền vay tăng cao, khiến cho Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đứng trước tình hình khó khăn chung Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có sự thống nhất chỉ đạo tạo hướng đi cho Công ty chủ động trong sản xuất, và đã đạt được kết quả tốt trong thời điểm hiện tại. Qua đó cũng nói lên năng lực của Công ty.

Qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản cho thấy, năm 2012 Tổng doanh thu của Công ty đạt trên **57,67** tỷ đồng, đạt 53,86 **%** so với kế hoạch.. Mặc dù mọi chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh đều không đạt so với kế hoach. Tuy nhiên, ban Giám đốc công ty đã cố gắng trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, rút ngắn thời gian thi công tại công trường để đạt được kết quả tốt nhất trong một năm có nhiều khó khăn của nền kinh tế trong nước

Sản phẩm của Công ty ngày càng được khách hàng tin cậy lựa chọn sử dụng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, góp phần nâng cao lợi ích cho người lao động và cho cổ đông của công ty.

**- Những tiến bộ mà Công ty đã đạt được**

- Uy tín và thương hiệu của Bạch Đằng TMC đã trở thành một thương hiệu lớn ở Việt Nam.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân có trình độ, năng động, sáng tạo nhiệt tình đoàn kết và có tinh thần trách nhiệm cao là nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai của Công ty

Bên cạnh đó, việc chuyển hướng tham gia vào lĩnh vực đầu tư bất động sản dựa trên cơ sở các thế mạnh của Công ty cũng đánh dấu một bước chuyển hướng tích cực trong kế hoạch đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Năm 2012 Công ty cũng đã tổ chức, sắp xếp lại nhân sự ở nhiều bộ phận chức năng, ban hành quy chế thưởng phạt rõ ràng, ban hành quy chế tiền lương, tiền thưởng tạo điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động.

**2. Tình hình tài chính**

**a, Tình hình tài sản**

Việc sử dụng tài sản của công ty được Ban Tổng giám đốc điều hành một cách hợp lý và phục vụ tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .

Năm 2012, tình hình nợ xấu, tài sản xấu vẫn chưa giải quyết dứt điểm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

**b, Tình hình nợ phải trả**

* Hiện tại, công ty còn một số công nợ đối với các nhà cung cấp tại các công trường chưa giải quyết dứt điểm được do sự chậm trễ thanh toán của các chủ đầu tư. Ban lãnh đạo công ty đang có các biện pháp tích cực để giải quyết nhanh nhất và dứt điểm đối với các công nợ này

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức**

- Thay đổi , sắp xếp lại cơ cấu tổ chức tại Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc để phù hợp hơn với yêu cầu mới, nhiệm vụ mới

- Ban Tổng giám đốc công ty tiếp tục chỉ đạo áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, rút ngắn thời gian thi công tại công trường để đạt được kết quả tốt.

**4. Kế hoạch trong tương lai**

Để đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển, với quan điểm phát triển bền vững Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC luôn chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng và xác định đó là yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh

Với ưu thế vượt trội là thi công công nghệ côppha trượt của Công ty đã trở thành thương hiệu lớn, uy tín ở Việt Nam. Ứng dụng công nghệ này tạo tiền đề cho Bạch Đằng TMC phát triển mạnh sản vào lĩnh vực Xây dựng của Việt Nam.

Tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao bằng cách cử cán bộ kỹ thuật đi thăm quan tu nghiệp ở trong nước và nước ngoài nhằm học hỏi kỹ thuật tiên tiến nhất về áp dụng tại Công ty. Đặc biệt chú trọng việc thu hút và duy trì đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ phù hợp với công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến.

Tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty

Cải thiện đời sống và nâng cao thu nhập cho người lao động…..

1. **Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty**
2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty**

Năm 2012 là một năm đầy thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản**.** Trước tình hình khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế đất nước nói riêng, Hội đồng quản trị đã cố gắng đưa ra các hướng đi mới, các biện pháp tốt nhất nhằm đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của khủng hoảng kinh tế. Hội đồng quản trị đã trực tiếp và thường xuyên định hướng chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Năm 2012, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã giảm so với năm 2011, các chỉ tiêu kinh doanh của công ty đề ra đều không đạt. Tuy nhiên, Công ty vẫn hoạt động một cách ổn định, lương và các chế độ của cán bộ công nhân viên vẫn được công ty đảm bảo. Công ty đã có những phương hướng cà hành động tích cực để tạo công ăn việc làm cho CBCNV trong công ty và việc làm cho năm 2013.

1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty**

Trong năm 2012 Ban tổng giám đốc đã thực hiện tốt các chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách, kế hoạch mà Hội đồng quản trị đề ra

1. **Các kế hoạch Định hướng Hội đồng quản trị**

**Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013**

* TËp trung chØ ®¹o hoµn thµnh c¸c môc tiªu ®· ®Ò ra, b¶o ®¶m tiÕn ®é, chÊt l­îng c«ng tr×nh, an toµn lao ®éng vµ b¶o ®¶m hiÖu qu¶ trong s¶n xuÊt kinh doanh.
* T¨ng c­êng c«ng t¸c qu¶n lý thiÕt bÞ, thóc ®Èy c«ng t¸c thanh quyÕt to¸n A-B vµ chñ ®éng gi¶i quyÕt t¹m øng, thanh quyÕt to¸n néi bé kÞp thêi, t¹o ®iÒu kiÖn cho c¸c §éi, c¸c ®¬n vÞ trùc thuéc C«ng ty chñ ®éng c¸c c«ng viÖc trong s¶n xuÊt.
* ChuÈn bÞ lùc l­îng c¸n bé c«ng nh©n viªn ®¸p øng ®­îc c¶ vÒ: ChÊt l­îng vµ sè l­îng nh»m ®¸p øng yªu cÇu nhiÖm vô míi.
* C«ng t¸c x©y l¾p vµ ®Êu thÇu: TiÕp tôc triÓn khai m¹nh c«ng t¸c ®Êu thÇu, t×m kiÕm c«ng viÖc x©y l¾p duy tr× tèc ®é ph¸t triÓn cña C«ng ty. Më réng thi c«ng H¹ tÇng kü thuËt, §­êng giao th«ng ®Ó t¨ng hµm l­îng thiÕt bÞ m¸y mãc c«ng nghÖ, gi¶m nh©n c«ng lao ®éng trùc tiÕp.
* C«ng t¸c ®Çu t­ : §Èy nhanh tèc ®é thùc hiÖn toµn diÖn ®èi víi Dù ¸n khu ®« thÞ nh»m triÓn khai khëi c«ng x©y dùng vµo n¨m 2013.
* C«ng t¸c tµi chÝnh: T¨ng c­êng h¬n n÷a kiÓm so¸t néi bé vµ thóc ®Èy thu håi vèn c¸c c«ng tr×nh cho SXKD. T¨ng c­êng quan hÖ c¸c tæ chøc tÝn dông trong vµ ngoµi n­íc ®Ó chuÈn bÞ ®ñ tµi chÝnh phôc vô cho Dù ¸n ®Çu t­ .

1. **Quản trị công ty**
2. **Hội đồng quản trị**

**a, Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểuquyết** | **Số chức danh HĐQT tại công ty khác** | **Ghi chú** |
| 1 | NguyễnVăn Thường | Chủ tịch HĐQT | 8,2% | 0 | Thành viên độc lập |
| 2 | Đinh Đức Tân | Thành viên HĐQT | 1,6% | 0 | Thành viên độc lập |
| 3 | Dương Thị Thủy | Thành viên HĐQT | 0,71% | 0 | Thành viên độc lập |
| 4 | Nguyễn Khánh Hiệp | Thành viên HĐQT | 0,71% | 0 | Thành viên không tham gia điều hành |
| 5 | Dương Thị Hà | Thành viên HĐQT | 15% | 0 | Thành viên không tham gia điều hành |

**Danh sách và thông tin các thành viên hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên**

1. **Ông Nguyễn Văn Thường - Chủ tịch HĐQT ( Xem mục** 2.1.1)
2. **Ông Đinh Đức Tân – Uỷ viên HĐQT thường trực ( Xem mục** 2.1.2 )
3. **Bà Dương Thị Thuỷ - Uỷ Viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * Họ và tên | **Dương Thị Thủy** |  | |
| * Số CMND | 011847270 | Ngày cấp: 07/07/1994 Nơi cấp: C.A Hà Nội | |
| * Giới tính | Nữ |  | |
| * Ngày tháng năm sinh | 21/10/1979 |  | |
| * Nơi sinh | Hà Nội |  | |
| * Quốc tịch | Việt Nam |  | |
| * Dân tộc | Kinh |  | |
| * Quê quán | Kỳ Anh – Hà Tĩnh | | |
| * Địa chỉ thường trú | Số 4, ngõ 230/138 tổ 9 Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội | | |
| - Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 | |
| * Trình độ văn hóa | 12/12 | |
| * Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | |
| * Quá trình công tác |  | |
| - 2001 đến 2005 | Kế toán Công ty Xây dựng cầu 75 | | |
| - 2005 đến 2008 | Phó phòng kế toán Công ty CP đầu tư XD và lắp máy TMC | | |
| - 2008 đến nay | Ủy Viên HĐQT kiêm Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | | |
| Chức vụ công tác hiện nay | Ủy Viên HĐQT kiêm Phó phòng kế toán | | |
| Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không | |
| Số cổ phần nắm giữ | 33.100 cổ phần | |
| **Trong đó** |  | |
| + Sở hữu | 33.100 cổ phần | |
| + Đại diện sở hữu | 0 Cổ phần | |
| * Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,71% | |

1. **Ông Nguyễn Khánh Hiệp - Uỷ Viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Nguyễn Khánh Hiệp** | |
| - | Số CMND | 012208590 | Ngày cấp: 18/09/2009 Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - | Giới tính | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 12/8/1983 |  |
| - | Nơi sinh | Hà Nội |  |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Từ Liêm – Hà Nội |  |
| - | Địa chỉ thường trú | Tổ 11 – phường Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 12/12 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Kinh tế xây dựng – Đại học Giao Thông Vận Tải | |
| - | Quá trình công tác |  |  |
|  | - 2006 đến 2010 | Nhân viên phòng kỹ thuật - Công ty CP Đầu tư XD và lắp máy TMC | |
|  | - 5/2010 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 32.800 cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 32.800 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,71% |  |

1. **Bà Dương Thị Hà - Uỷ Viên Hội đồng quản trị**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Dương Thị Hà** |  |
| - | Số CMND | 012695606 | Ngày cấp: 7/5/2004 Nơi cấp: C.A Hà Nội |
| - | Giới tính | Nữ |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 1/5/1955 |  |
| - | Nơi sinh | Hà Nội | |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Hà Nội | |
| - | Địa chỉ thường trú | 34T Khu DT Trung hoà, Nhân Chính, cầu giấy, HN | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 10/10 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế |  |
|  | - 4/2012 đến nay | Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư XD Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Ủy viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 690.000cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 690.000cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 15% |  |

**b, Các tiểu ban của Hội đồng quản trị :**

Thư ký công ty: Ông Tạ Văn Tú

**c, Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2012 là một năm đầy thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản**.** Trước tình hình khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và kinh tế đất nước nói riêng, Hội đồng quản trị đã cố gắng đưa ra các hướng đi mới, các biện pháp tốt nhất nhằm đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn của khủng hoảng kinh tế. Hội đồng quản trị đã trực tiếp và thường xuyên định hướng chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện quyết liệt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra. Do hoạt động của công ty là hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản nên có nhiều khó khăn và thách thức hơn so với các doanh nghiệp trong lĩnh vực khác. Vì vậy, ngoài việc định hướng chỉ đạo chiến lược thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ đề ra, Hội đồng quản trị còn trực tiếp chỉ đạo tại công trường nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện công trình và các dự án khác của công ty.

Sau Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã họp các phiên thường kỳ và bất thường để xem xét và quyết định các vấn đề có liên quan đến công tác quản trị và chỉ đạo triển khai các hoạt động của công ty, đưa ra các biện pháp thích hợp để công ty hoạt động một cách ổn định.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tiến hành 06 cuộc họp đã ban hành và thông qua các nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản trị điều hành công ty. Các văn bản được thông qua cuộc họp HĐQT, được các thành viên HĐQT nhất trí cao, được ban hành đúng pháp luật và có giá trị thực thi cao.

**d, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

**Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành gồm 2 thành viên:**

1. Ông Nguyễn Khánh Hiệp: Là nhân viên Phòng kế hoạch đầu tư của công ty
2. Bà Dương Thị Hà : Không làm việc tại công ty

**e, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị**

Ban thư ký công ty đóng góp vai trò giúp việc tích cực cho Hội đồng quản trị, đảm bảo việc tổ chức các cuộc họp HĐQT được thực hiện theo đúng thể thức và các nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ban thư ký công ty cũng hoạt động tích cực trong việc cung cấp thông tin để thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật đến các cổ đông và là cầu nối giữa Hội đồng quản trị và ban Tổng giám đốc.

**f, Danh sách thành viên HĐQT được đào tạo về quản trị công ty**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ chuyên môn** | **Chức vụ** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn Thường | 1960 | Kỹ sư xây dựng | Chủ tịch HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 2 | Đinh Đức Tân | 1971 | Cử nhân kinh kế | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 3 | Dương Thị Thủy | 1979 | Cử nhân kinh tế | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 4 | Nguyễn Khánh Hiệp | 1983 | Kỹ sư kinh tế XD | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |
| 5 | Dương Thị Hà | 1955 | Cử nhân kinh tế | Thành viên HĐQT | Tham gia chương trình về quản trị công ty |

**2. Ban kiểm soát**

**a, Thành viên Ban kiểm soát:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểuquyết** | **Ghi chú** |
| 1 | Đỗ Thị Hằng | Trưởng ban KS | 8,2% |  |
| 2 | Đinh Đức Tân | Thành viên  Ban KS | 1,6% |  |
| 3 | Dương Thị Thủy | Thành viên  Ban KS | 0,71% |  |

**Danh sách Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên**

###### 1. Trưởng ban Kiểm Soát - Bà Đỗ Thị Hằng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Đỗ Thị Hằng** |  |
| - | Số CMND | 031605272 | Ngày cấp:11/04/2006 Nơi cấp:C.A Hải Phòng |
| - | Giới tính | Nữ |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 2/9/1959 |  |
| - | Nơi sinh | Thanh Sơn – Thanh Hà - Hải Dương | |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Thanh Sơn – Thanh Hà – Hải Dương | |
| - | Địa chỉ thường trú | Số 9/27 Lê Lợi, Máy Tơ – Ngô Quyền – Hải Phòng | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (031) 378 2803 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 10/10 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán DN | |
| - | Quá trình công tác |  |  |
|  | - 11/1987 đến 04/1981 | Công nhân Công trường 201– Cty xây dựng Hải Phòng | |
|  | - 05/1981 đến 06/1984 | Học Trường trung học Xây Dựng số 1 – Bộ Xây Dựng | |
|  | - 07/1984 đến nay | Phó Phòng tài chính kế toán Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Phó phòng tài chính kế toán Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 64.550 cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 17.250 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 47.300 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 1,4% |  |

###### . Ủy Viên BKS - Ông Nguyễn Thế Hưng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên | **Nguyễn Thế Hưng** |  |
| - | Số CMND | 131591707 | Ngày cấp: 20/10/1998 Nơi cấp: C.A Phú Thọ |
| - | Giới tính | Nam |  |
| - | Ngày tháng năm sinh | 18/10/1981 |  |
| - | Nơi sinh | Phú Lộc – Phù Ninh – Phú Thọ | |
| - | Quốc tịch | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc | Kinh |  |
| - | Quê quán | Phú Lộc – Phù Ninh – Phú Thọ | |
| - | Địa chỉ thường trú | Phú Lộc – Phù Ninh – Phú Thọ | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa | 12/12 |  |
| - | Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |  |
| - | Quá trình công tác |  |  |
|  | - 2007 đến nay | Cán bộ CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay | Thành viên ban kiểm soát | |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ | 4.650 cổ phần |  |
|  | **Trong đó** |  |  |
|  | + Sở hữu | 4.650 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu | 0 cổ phần |  |
| - | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | 0,1% |  |

###### Ủy Viên BKS - Bà Lê Thị Thúy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| - | Họ và tên: | **Lê Thị Thúy** |  |
| - | Số CMND: | 164095055 | Ngày cấp: 24/05/1999 Nơi cấp:C.A Ninh Bình |
| - | Giới tính: | Nữ |  |
| - | Ngày tháng năm sinh: | 27/11/1981 |  |
| - | Nơi sinh: | Ninh Xuân – Hoa Lư - Ninh Bình |  |
| - | Quốc tịch: | Việt Nam |  |
| - | Dân tộc: | Kinh |  |
| - | Quê quán: | Ninh Xuân – Hoa Lư – Ninh Binh | |
| - | Địa chỉ thường trú: | Số 164 Chiến Thắng - Minh Khai - Nam Thành – Ninh Bình | |
| - | Điện thoại liên lạc ở cơ quan: | (04) 3783 4070 |  |
| - | Trình độ văn hóa: | 12/12 |  |
| - | Trình độ chuyên môn: | Cử Nhân Ngoại Ngữ - Đại học Ngoại ngữ - quốc gia Hà Nội | |
| - | Quá trình công tác: |  |  |
|  | - 2006 đến nay: | Nhân viên Phòng tổ chức hành chính Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC | |
| - | Chức vụ công tác hiện nay: | Thành viên Ban Kiểm soát |  |
| - | Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: | Không |  |
| - | Số cổ phần nắm giữ: | 1.500 cổ phần |  |
|  | Trong đó |  |  |
|  | + Sở hữu: | 1.500 cổ phần |  |
|  | + Đại diện sở hữu: | 0 cổ phần |  |
| - | Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: | 0.03% |  |

**b, Hoạt động Ban kiểm soát:**

Trong quá trình hoạt động Ban kiểm soát đã tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty, với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo những nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2012, ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp để đánh giá hoạt động của Hội Đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và đã nắm rõ việc hoạt động của công ty trong năm 2012.

**3 . Các Giao dịch, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

**a, Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

Việc trả lương, thưởng các thanh viên của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát làm việc tại công ty trả theo Quy chế tiền lương, thu nhập của công ty áp dụng cho toàn thể cán bộ, công nhân viên thuộc khối phòng ban và các đơn vị phục vụ hưởng lương theo khối phòng ban.

* Các khoản thù lao ngoài lương như sau:

**Thù lao cho cả năm 2012 cho Hội đồng quản trị là : 75.600.000đ trong đó**

* Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị : 2.000.000đ/ tháng
* Thù lao cho UV TT HĐQT : 1.300.000/ tháng
* Thù lao cho các UV HĐQT : 1.000.000/ tháng

**Thù lao cho cả năm 2012 cho Ban kiểm soát là : 14.400.000đ, trong đó**

- Thù lao cho Trưởng ban kiểm soát : 500.000đ/tháng

- Thù lao cho UV Ban KS : 350.000đ/ tháng

**b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Trong năm 2012, cổ đông nội bộ không có giao dịch cổ phiếu nào

**c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Trong năm 2012, cổ đông nội bộ không có hợp đồng hoặc giao dịch nào

**d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** Trong năm 2012, công ty thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty theo pháp luật hiện hành

**VI. Báo cáo tài chính**

Bản báo cáo kiểm toán đầy đủ đã gửi TTGDCK Hà Nội, Uỷ ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

**1. Ý kiến kiểm toán**:

**a. Kiểm toán độc lập**:

***- Đơn vị kiểm toán:*** Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Địa chỉ : 706A5 – Làng quốc tế Thăng Long – Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại : 043.7931428

Fax : 043.7931429

* ***Ý kiến của kiểm toán độc lập***

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**b, Kiểm toán nội bộ**

Ý kiến đánh giá của Ban kiểm soát: “*Sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, rõ ràng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh”.*

1. **Báo cáo kiểm toán**:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÀI SẢN** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|  |  |  |  |  |  |
| **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** |  | **176.048.089.145** | **192.835.234.397** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** |  | **1.203.455.215** | **18.445.692.975** |
| 1. | Tiền | 111 | V.01 | 1.203.455.215 | 1.445.692.975 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 |  | - | 17.000.000.000 |
|  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** |  | **-** | **-** |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | 121 |  | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (\*) | 129 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** |  | **46.769.983.318** | **60.520.277.551** |
| 1. | Phải thu khách hàng | 131 |  | 43.204.390.173 | 55.212.210.695 |
| 2. | Trả trước cho người bán | 132 |  | 5.638.529.900 | 6.967.509.388 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 |  | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 |  | - | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác | 135 | V.02 | 725.170.308 | 777.525.528 |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (\*) | 139 |  | (2.798.107.063) | (2.436.968.060) |
|  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** |  | **112.393.006.870** | **91.498.796.708** |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.03 | 112.393.006.870 | 91.498.796.708 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (\*) | 149 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** |  | **15.681.643.742** | **22.370.467.163** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 |  | 26.035.000 | 223.367.348 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 |  | - | 342.908.150 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 |  | - | - |
| 4. | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.04 | 15.655.608.742 | 21.804.191.665 |

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÀI SẢN** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|  |  |  |  |  |  |
| **B.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** |  | **36.210.044.552** | **38.907.905.862** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **210** |  | **-** | **-** |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |  | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 |  | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 |  | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 |  | - | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (\*) | 219 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Tài sản cố định** | **220** |  | **33.587.284.874** | **36.175.161.818** |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.05 | 16.857.736.960 | 18.433.399.566 |
|  | *- Nguyên giá* | *222* |  | *28.948.868.582* | *27.159.341.538* |
|  | *- Giá trị hao mòn lũy kế (\*)* | *223* |  | *(12.091.131.622)* | *(8.725.941.972)* |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 |  | - | - |
|  | *- Nguyên giá* | *225* |  | *-* | *-* |
|  | *- Giá trị hao mòn lũy kế (\*)* | *226* |  | *-* | *-* |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.06 | 16.100.342.363 | 16.100.342.363 |
|  | *- Nguyên giá* | *228* |  | *16.100.342.363* | *16.100.342.363* |
|  | *- Giá trị hao mòn lũy kế (\*)* | *229* |  | *-* | *-* |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.07 | 629.205.551 | 1.641.419.889 |
|  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Bất động sản đầu tư** | **240** |  | **-** | **-** |
| 1. | Nguyên giá | 241 |  | - | - |
| 2. | Giá trị hao mòn lũy kế (\*) | 242 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** |  | **-** | **-** |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 |  | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 |  | - | - |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 |  | - | - |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (\*) | 259 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **V.** | **Tài sản dài hạn khác** | **260** |  | **2.622.759.678** | **2.732.744.044** |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.08 | 2.622.759.678 | 2.732.744.044 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 |  | - | - |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** |  | **212.258.133.697** | **231.743.140.259** |

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NGUỒN VỐN** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Số cuối năm** | **Số đầu năm** |
|  |  |  |  |  |  |
| **A.** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  | **169.245.677.538** | **198.968.018.028** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **310** |  | **91.886.202.159** | **97.866.092.249** |
| 1. | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.09 | 30.816.913.942 | 21.833.287.568 |
| 2. | Phải trả người bán | 312 |  | 22.107.011.873 | 26.997.198.295 |
| 3. | Người mua trả tiền trước | 313 |  | 18.259.780.385 | 27.944.321.490 |
| 4. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.10 | 4.580.292.845 | 1.495.369.698 |
| 5. | Phải trả người lao động | 315 |  | 437.242.291 | 2.366.771.892 |
| 6. | Chi phí phải trả | 316 | V.11 | 8.889.478.930 | 6.508.231.155 |
| 7. | Phải trả nội bộ | 317 |  | - | - |
| 8. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp  đồng xây dựng | 318 |  | - | - |
| 9. | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.12 | 6.405.214.391 | 10.278.606.255 |
| 10. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | - | - |
| 11. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 |  | 390.267.502 | 442.305.896 |
|  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **330** |  | **77.359.475.379** | **101.101.925.779** |
| 1. | Phải trả dài hạn người bán | 331 |  | - | - |
| 2. | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |  | - | - |
| 3. | Phải trả dài hạn khác | 333 |  | - | - |
| 4. | Vay và nợ dài hạn | 334 | V.13 | 77.359.475.379 | 101.101.925.779 |
| 5. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |  | - | - |
| 6. | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  | - | - |
| 7. | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |  | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện | 338 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
| **B.** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** |  | **43.012.456.159** | **32.775.122.231** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **V.14** | **43.012.456.159** | **32.775.122.231** |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 |  | 46.000.000.000 | 26.000.000.000 |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 |  | 4.118.298.000 | 4.118.298.000 |
| 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 |  | - | - |
| 4. | Cổ phiếu quỹ (\*) | 414 |  | - | - |
| 5. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |  | - | - |
| 6. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 |  | - | - |
| 7. | Quỹ đầu tư phát triển | 417 |  | 1.493.774.344 | 1.477.328.171 |
| 8. | Quỹ dự phòng tài chính | 418 |  | 185.488.281 | 177.265.194 |
| 9. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 |  | - | - |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 |  | (8.785.104.466) | 1.002.230.866 |
|  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  | **-** | **-** |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** |  | **212.258.133.697** | **231.743.140.259** |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**Năm 2012**

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
| **1.** | **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | **VI.01** | **57.675.127.245** | **76.469.143.257** |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 |  | - | - |
| **3.** | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **10** |  | **57.675.127.245** | **76.469.143.257** |
|  |  |  |  |  |  |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 54.709.023.877 | 62.948.985.175 |
| **5.** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **20** |  | **2.966.103.368** | **13.520.158.082** |
|  |  |  |  |  |  |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 368.838.247 | 3.274.310.191 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 5.322.791.486 | 4.254.491.747 |
|  | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | *23* |  | *5.322.791.486* | *4.254.491.747* |
| 8. | Chi phí bán hàng | 24 |  | - | - |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 |  | 6.854.038.043 | 6.985.647.740 |
|  |  |  |  |  |  |
| **10.** | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** |  | **(8.841.887.914)** | **5.554.328.786** |
|  |  |  |  |  |  |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.05 | 80.401.489 | 465.244.208 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.06 | 397.113.826 | 1.024.853.898 |
|  |  |  |  |  |  |
| **13.** | **Lợi nhuận khác** | **40** |  | **(316.712.337)** | **(559.609.690)** |
|  |  |  |  |  |  |
| **14.** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **50** |  | **(9.158.600.251)** | **4.994.719.096** |
| 15. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.07 | 546.504.215 | 1.392.488.230 |
| 16. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  | - | - |
| **17.** | **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **60** |  | **(9.705.104.466)** | **3.602.230.866** |
|  |  |  |  |  |  |
| **18.** | **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **70** | VI.08 | **(2.703)** | **1.386** |
|  |  |  |  |  |  |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Năm 2012**

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |  |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** |  | ***(9.158.600.251)*** | ***4.994.719.096*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản*** |  |  |  |  |
| - | Khấu hao tài sản cố định | 02 |  | 3.365.189.650 | 2.495.332.759 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 |  | 361.139.003 | 901.680.913 |
| - | (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 |  | - | - |
| - | (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 |  | (368.838.247) | (3.445.531.078) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 |  | 5.322.791.486 | 4.254.491.747 |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** |  | ***(478.318.359)*** | ***9.200.693.437*** |
| - | (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 |  | 19.880.646.303 | (10.131.400.887) |
| - | (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 |  | (18.170.086.201) | (51.690.862.646) |
| - | Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 |  | (18.039.013.294) | 16.731.187.733 |
| - | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 |  | 774.985.602 | (1.755.024.142) |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 13 |  | (5.679.429.438) | (1.759.915.136) |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 |  | - | (1.356.890.141) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 |  | - | - |
| - | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 |  | (109.600.000) | (292.050.000) |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** |  | ***(21.820.815.387)*** | ***(41.054.261.782)*** |
|  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |  |
| - | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 |  | (1.244.981.594) | (12.551.058.727) |
| - | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 |  | - | 241.918.182 |
| - | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 |  | - | - |
| - | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 |  | - | 8.000.000.000 |
| - | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 |  | - | - |
| - | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 |  | - | - |
| - | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 |  | 368.838.247 | 3.206.310.191 |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** |  | ***(876.143.347)*** | ***(1.102.830.354)*** |

*Đơn vị tính: VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CHỈ TIÊU** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
|  |  |  |  |  |  |
| **III.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |  |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 |  | - | - |
| 2. | Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 |  | - | - |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 |  | 41.209.886.669 | 86.327.724.208 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 |  | (35.968.710.695) | (32.099.024.695) |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 |  | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 |  | 213.545.000 | (3.193.858.300) |
|  | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** |  | ***5.454.720.974*** | ***51.034.841.213*** |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** |  | **(17.242.237.760)** | **8.877.749.077** |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** |  | **18.445.692.975** | **9.567.943.898** |
|  |  |  |  |  |  |
|  | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |  | - | - |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** |  | **1.203.455.215** | **18.445.692.975** |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**

1. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**
   1. **Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

* 1. **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng.

* 1. **Ngành nghề kinh doanh ( đã trình bày ở mục I.3)**

1. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
   1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

* 1. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

1. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
   1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

* 1. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

* 1. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

1. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**
   1. **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Máy móc, thiết bị |  | 6 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn |  | 6 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý |  | 3 - 8 năm |

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong năm là 33% .

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

* Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ;
* Giá trị thương hiệu;
* Chi phí sửa chữa.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

* 1. **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

* 1. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

* Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
* Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
* Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
* Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

* Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
* Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

* 1. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

* 1. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 03năm 2013*

**TM Hội đồng quản trị**

**Chủ tịch HĐQT**

**( đã ký )**

**Nguyễn Văn Thường**